CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP SIMCO Sông Đà

Ngày 15/01/2024	6,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**6.8%**	**-**

DT thuần
Q4/23
10.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.20| -24.0%
YoY: ▼20.2| -66.5%

LN thuần
Q4/23
7.98
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.62| 1347%
YoY: ▲ 7.50| 1562%

LN sau thuế
Q4/23
8.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.69| 1358%
YoY: ▲ 7.57| 1577%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
18.4%
YoY: +/-▲ 16.7%

ROE
2023
3.2%
YoY: +/-▲ 2.9%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,200 - 10,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	165
Số lượng CPLH (CP)	26,205,990
KLGD BQ 20 phiên (CP)	84,735
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.51
EPS	269
P/E	24.2

DT thuần
2023
44.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.3| -28.0%

LN thuần
2023
6.98
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.98| 598%

LN sau thuế
2023
7.04
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.23| 769%

Cơ cấu sở hữu

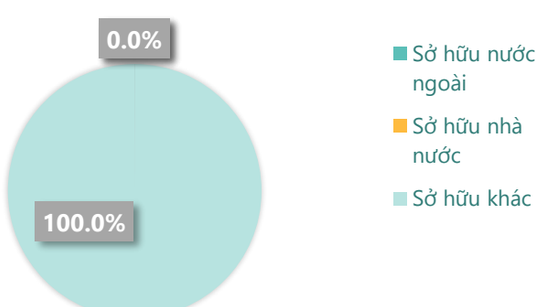

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

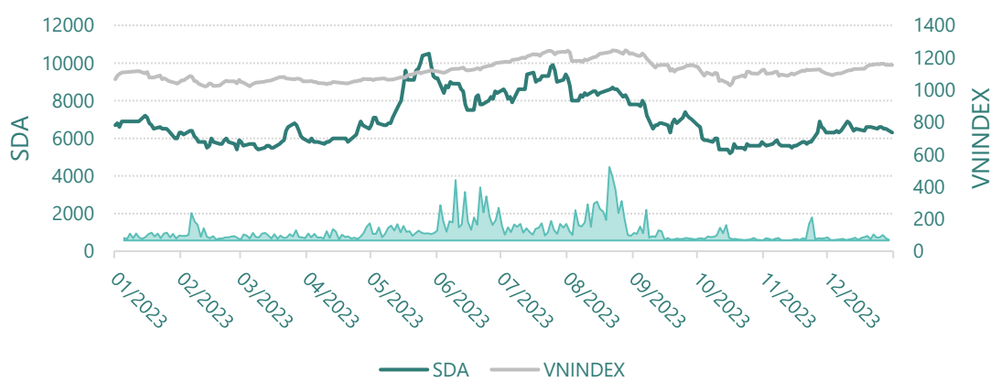

Cơ cấu cổ đông

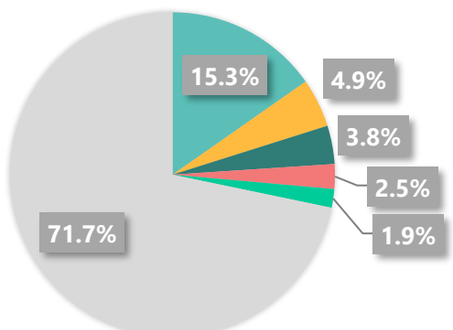

- Nguyễn Thị Hồng Ngọc (Phó Tổng giám đốc)
- Đỗ Tuấn Dương
- CTCP Đầu tư Công nghệ Smartech Việt Nam
- Nguyễn Sĩ Hiển
- Nguyễn Thị Minh Thu
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

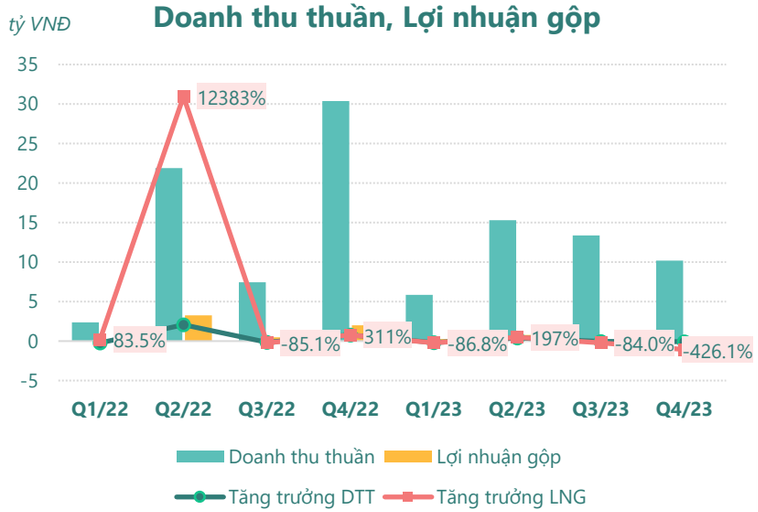

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

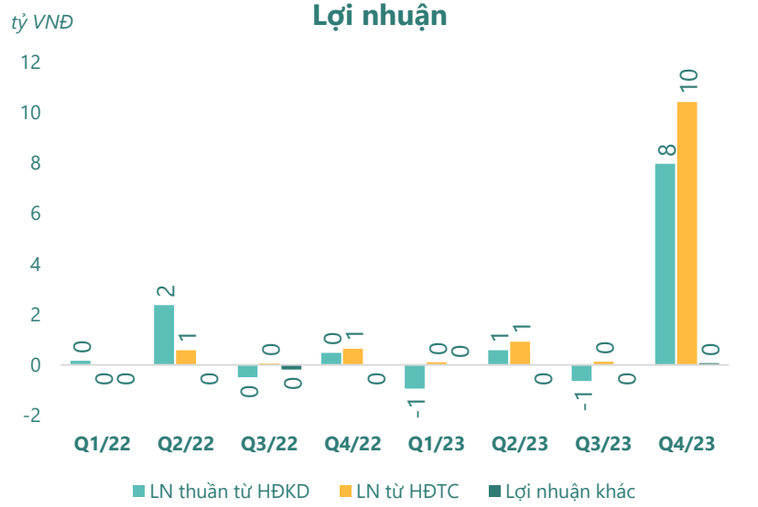

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

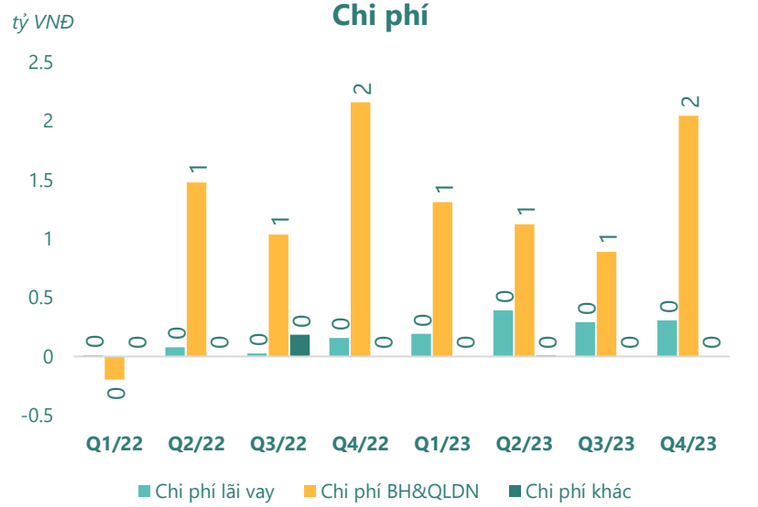

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

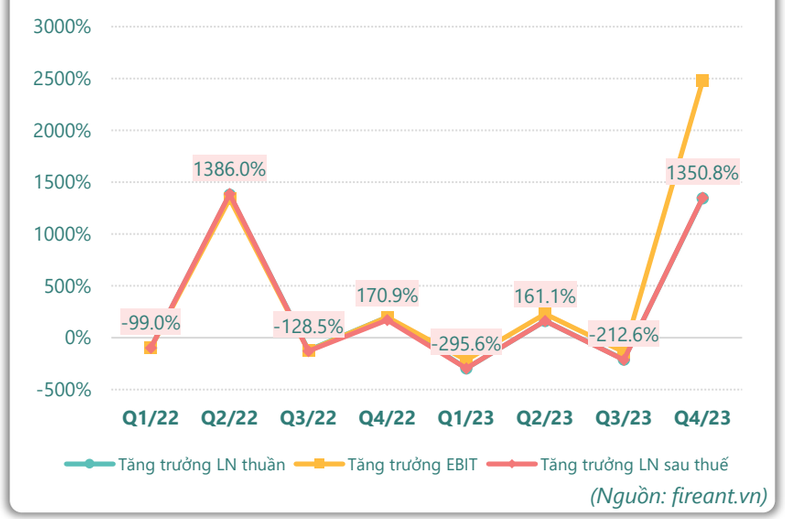

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

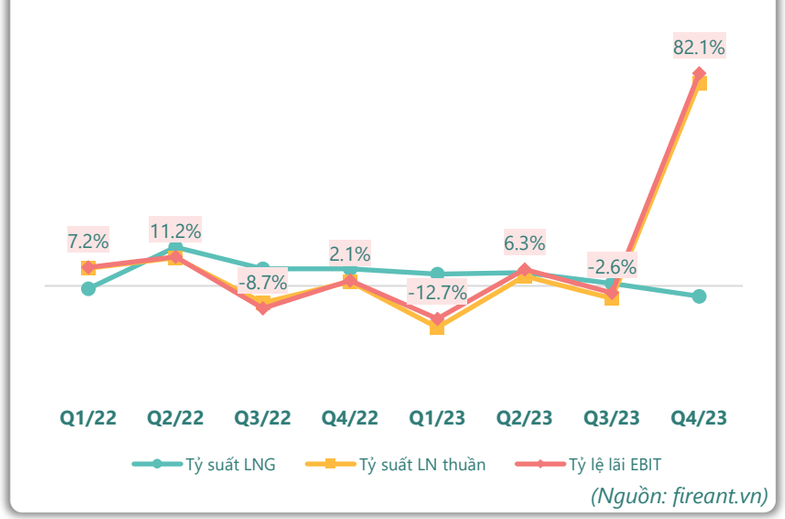

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

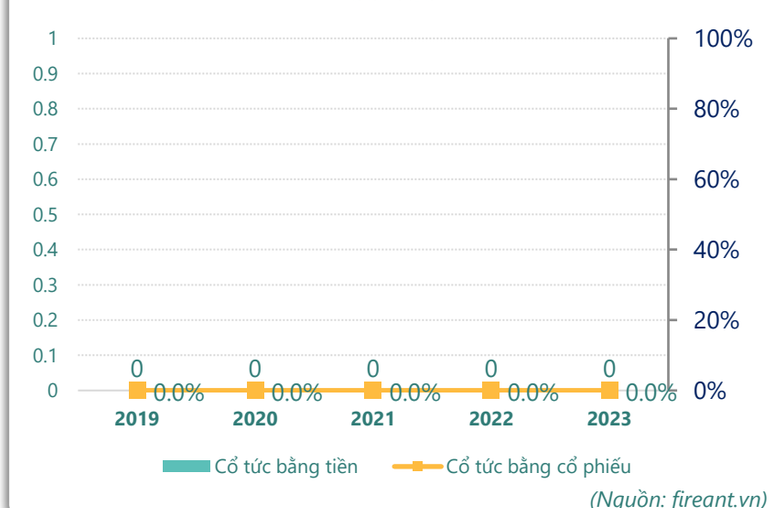

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

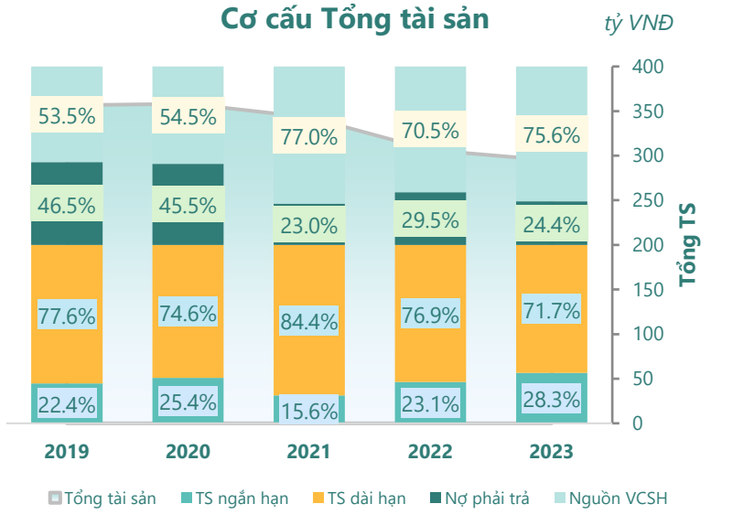

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

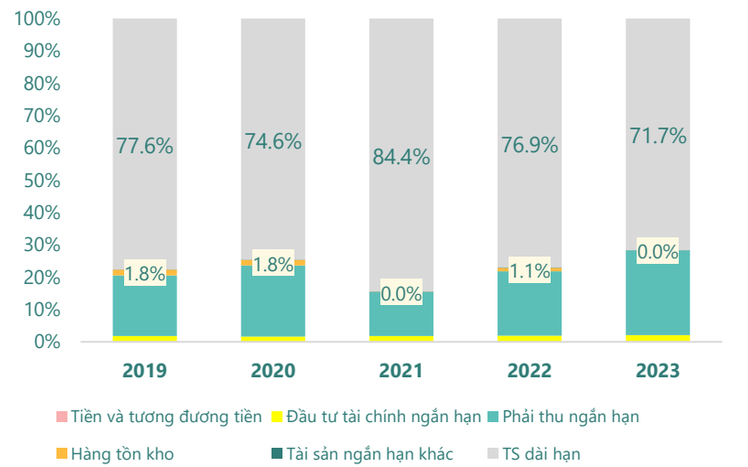

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

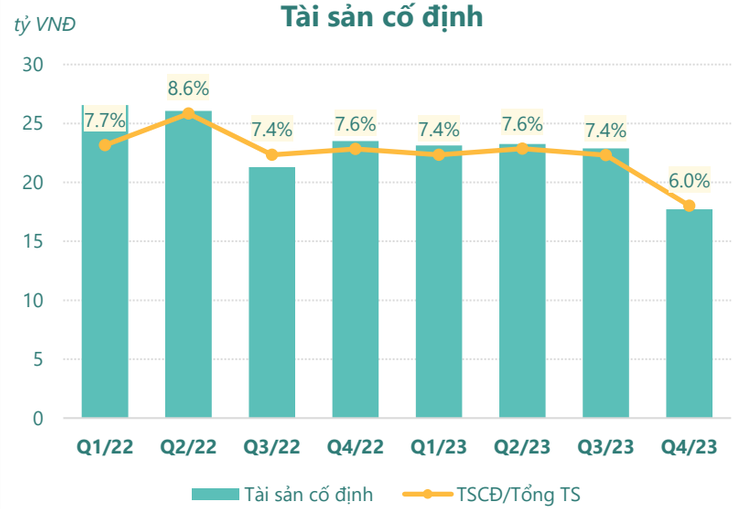

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

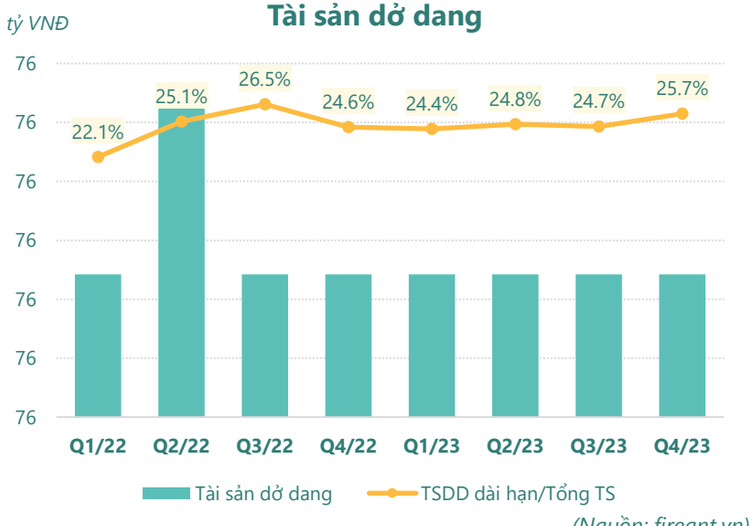

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

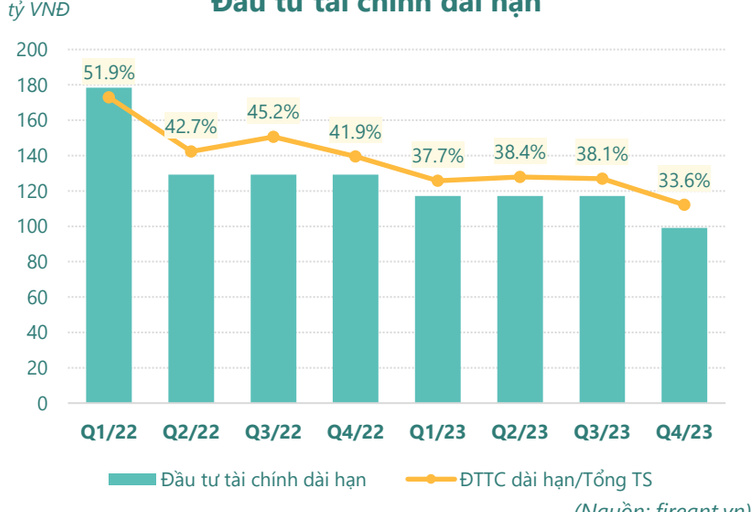

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

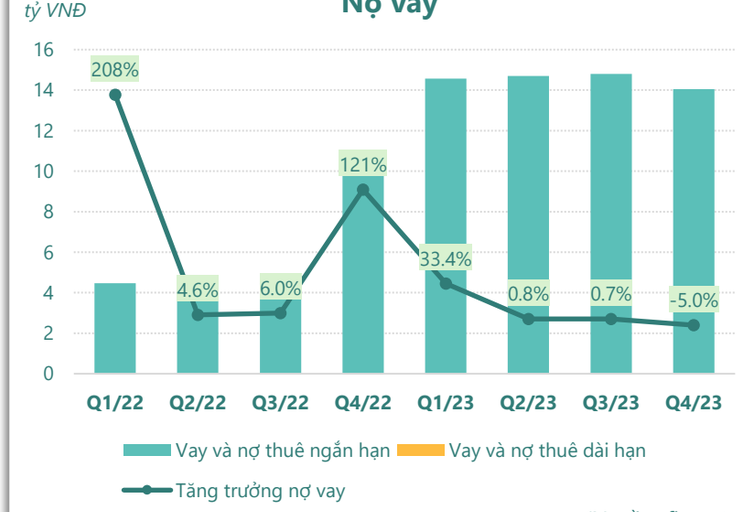

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

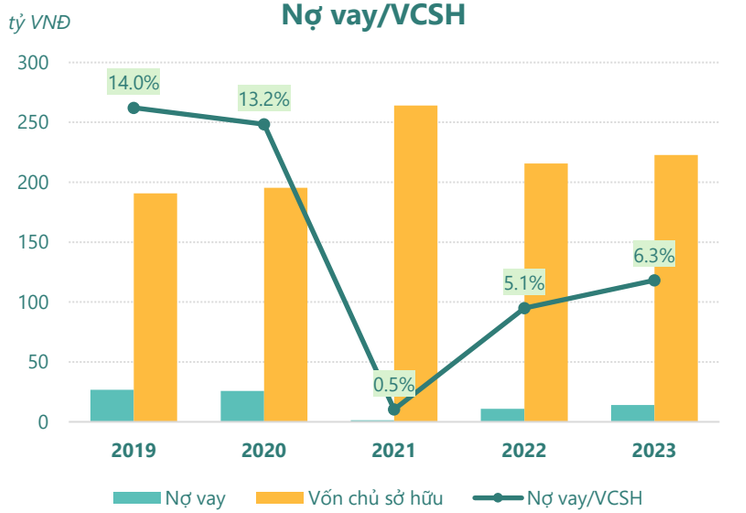

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

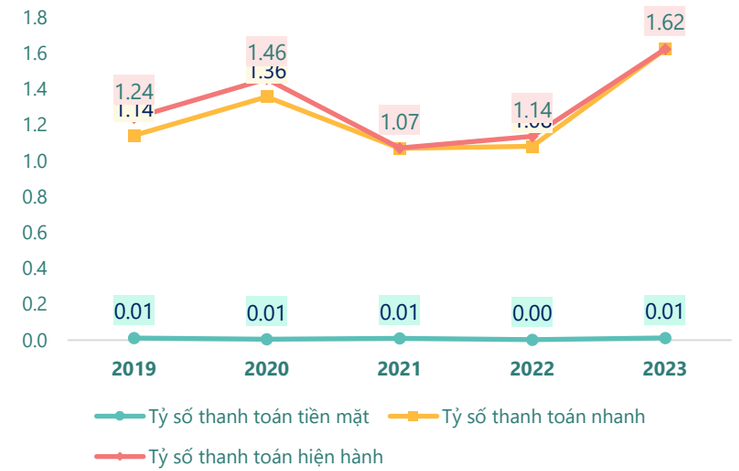

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

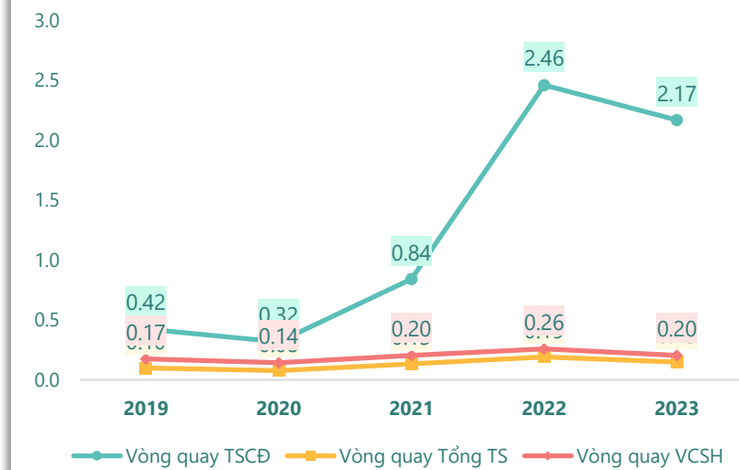

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

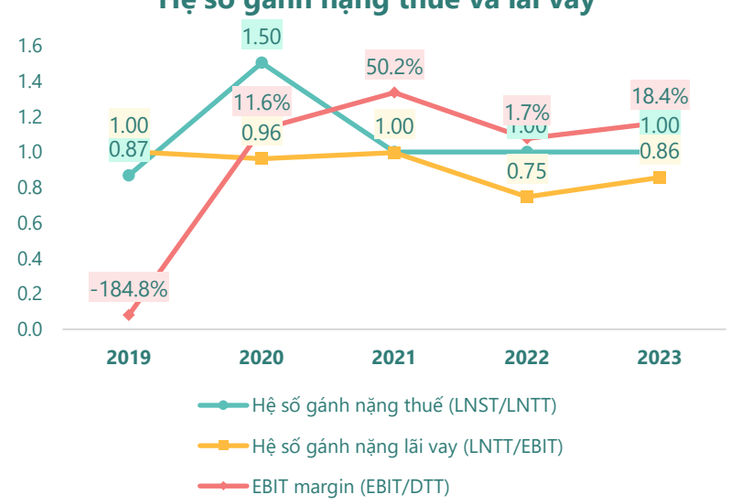

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

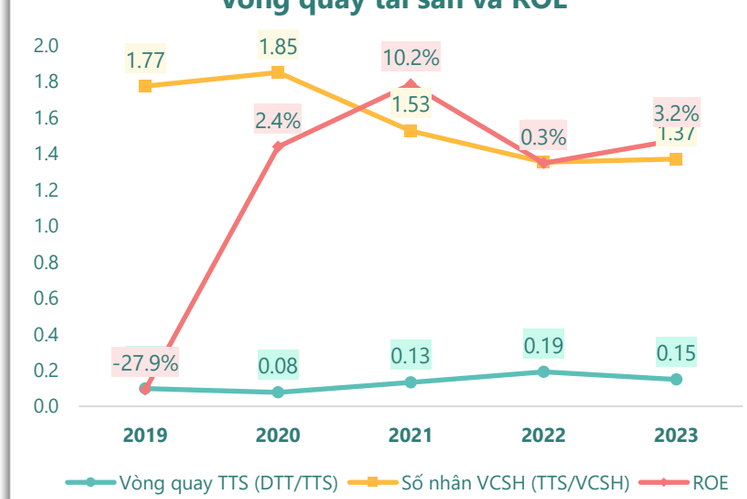

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

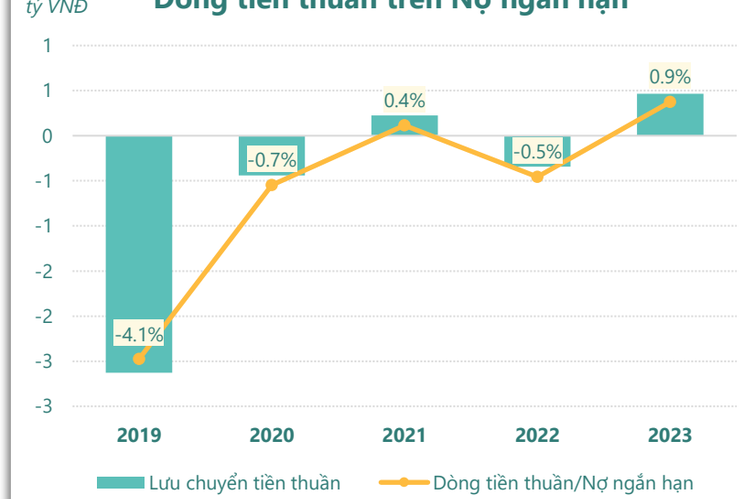

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**10.2**	**30.4**	**-66.5%**	**44.7**	**62.0**	**-28.0%**
Giá vốn hàng bán	10.6	28.4	-62.7%	43.9	56.2	-21.8%
Lợi nhuận gộp	-0.41	2.00	-120%	0.76	5.84	-87.0%
Doanh thu HĐTC	10.5	0.82	1183%	12.5	1.81	587%
Chi phí TC	0.09	0.17	-47.8%	0.87	2.98	-70.7%
Chi phí lãi vay	0.31	0.16	91.6%	1.18	0.27	331%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.05**	**2.16**	**-5.2%**	**5.37**	**3.68**	**46.0%**
LN thuần từ HĐKD	7.98	0.48	1562%	6.98	1.00	598%
Lợi nhuận khác	**0.07**	**0.00**		**0.07**	**-0.19**	**135%**
LN trước thuế	8.05	0.48	1577%	7.04	0.81	769%
Lợi nhuận sau thuế	**8.05**	**0.48**	**1577%**	**7.04**	**0.81**	**769%**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.05**	**0.48**	**1577%**	**7.04**	**0.81**	**769%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.52	-4.31	-1.87	-8.37	-3.84	12.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.82	-2.00	-1.65	8.90	3.25	-11.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.28	5.97	3.65	0.12	0.10	-0.75
Tiền đầu kỳ	0.55	0.53	0.17	0.29	0.95	0.46
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.02**	**-0.34**	**0.12**	**0.65**	**-0.49**	**0.18**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.02	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	0.53	0.17	0.29	0.95	0.46	0.64

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**295**	**306**	**-3.7%**
Tài sản ngắn hạn	83.5	70.8	17.9%
Tiền và tương đương tiền	0.64	0.17	276%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.60	5.60	0.0%
Phải thu ngắn hạn	77.2	61.0	26.7%
Hàng tồn kho	0.05	3.43	-98.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.65	-97.7%
Tài sản dài hạn	**211**	**235**	**-10.3%**
Phải thu dài hạn	11.0	1.00	1000%
Tài sản cố định	17.7	23.5	-24.6%
Bất động sản đầu tư	7.49	8.36	-10.4%
Tài sản dở dang	75.9	75.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	99.1	127	-21.7%
Tài sản dài hạn khác	**0.03**	**0.01**	**208%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	71.9	90.4	-20.4%
Nợ ngắn hạn	**51.4**	**62.3**	**-17.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.1	10.9	28.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.7	26.2	-55.2%
Nợ dài hạn	20.5	28.1	-27.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**223**	**216**	**3.3%**
Vốn chủ sở hữu	**223**	**216**	**3.3%**
Vốn điều lệ	262	262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)